

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** (Tourism and Hospitality Management)

Mã ngành: 7810103

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành - Khoa Kinh tế

### 1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng dựa trên đánh giá nhu cầu đào tạo và điều kiện nguồn lực của cơ sở đào tạo nhằm hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Sau khi hoàn thành chương trình này, sinh viên:

- a. Có phẩm chất chính trị tư tưởng tốt, hiểu biết về pháp luật và các luật về hoạt động kinh tế.
- b. Có kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội.
- c. Có khả năng quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động tại các đơn vị kinh doanh thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành cũng như tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

### 2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch phải đạt những tiêu chuẩn sau:

#### 2.1 Kiến thức

##### 2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

##### 2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Nắm vững kiến thức cơ bản về một số vấn đề liên quan đến nền kinh tế, công tác quản trị, phân tích tài chính, nghiệp vụ kế toán, và hoạt động marketing;
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và khả năng tư duy giải quyết vấn đề.
- c. Có kiến thức cơ bản về phân tích thống kê và phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh.

##### 2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức về hoạt động quản trị trong lĩnh vực dịch vụ du lịch.
- b. Nắm vững kiến thức tổ chức quản lý và điều hành các bộ phận tại đơn vị thuộc lĩnh vực lữ hành, lưu trú, và nhà hàng.
- c. Có kiến thức chuyên ngành để tham gia hoạt động nghiên cứu và phân tích trong lĩnh vực du lịch;
- d. Có kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động liên quan đến lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành; và
- e. Có kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực dịch vụ và du lịch.

## 2.2 Kỹ năng

### 2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Phân tích, xây dựng và triển khai chiến lược, chính sách phát triển doanh nghiệp nói chung, và doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch nói riêng.
- b. Quản lý và điều hành các bộ phận tại các đơn vị trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành; liên quan đến nhân sự, tài chính, marketing, quan hệ khách hàng.

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng tư duy hệ thống: phân tích, phán đoán vấn đề một cách logic, có cơ sở, và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.
- b. Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp tốt, có năng lực giao tiếp bằng văn bản, đa truyền thông, và đồ họa; và có khả năng thuyết trình và thu hút trong giao tiếp.
- c. Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, phát triển và lãnh đạo nhóm; phối hợp giữa các nhóm chuyên môn khác nhau.
- d. Tố chất và kỹ năng cá nhân: cập nhật, phân tích và suy đoán các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành trong nước và thế giới.
- e. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: giao tiếp và giải quyết công việc bằng ngoại ngữ (Anh, Pháp) với trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ B; có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng và ứng dụng các phần mềm tin học quản lý trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

## 2.3 Thái độ

- a. Hành xử chuyên nghiệp.
- b. Kiên trì và linh hoạt trong công việc.
- c. Cầu tiến, ham tìm hiểu và học tập suốt đời.
- d. Có đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với công việc.
- e. Sẵn lòng ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn.

## 3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên tại các Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch: sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các trung tâm trên phụ trách các hoạt động liên quan đến công tác xúc tiến đầu tư thương mại du lịch cho địa phương nói chung và các đơn vị kinh tế trong lĩnh vực đầu tư và thương mại du lịch nói riêng.
- Nhân viên, giám sát, quản lý tại các bộ phận trong các đơn vị kinh doanh lưu trú, nhà hàng, lữ hành, và giải trí.
- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các cơ sở nghiên cứu, viện trường có hoạt động nghiên cứu và đào tạo liên quan đến lĩnh vực dịch vụ du lịch.

## 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có năng lực cập nhật kiến thức chuyên ngành và tham gia thực hiện các dự án nghiên cứu về lĩnh vực dịch vụ du lịch.
- Đáp ứng các yêu cầu dự tuyển và học tập ở bậc sau đại học ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, và quản trị dịch vụ du lịch trong nước và ngoài nước.

## 5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Công văn 2196/BGDĐT-GDDH, ngày 22 tháng 4 năm 2010, của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- Báo cáo Chiến lược tiếp thị du lịch Việt Nam tới 2020 – 7 thông điệp về du lịch có trách nhiệm: Kết quả chương trình đánh giá nhu cầu đào tạo. Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội, Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch và Liên minh Châu Âu (ESRT program).

- Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh du lịch của Trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
- Tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

## 6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			I, II
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			I, II
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
<b>Cộng: 46 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>									
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			I, II
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			I, II
36	KT103	Quản trị học	3	3		45			I, II
37	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			I, II
38	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			I, II
39	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	I, II
40	KT120	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30		KT108	I, II
41	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
42	KT104	Marketing căn bản	3	3		45			I, II
43	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		45		KT103	I, II
44	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45			I, II
45	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2		7	30			I, II
46	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45			I, II
47	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103	I, II
48	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng	2			30			I, II
49	KT330	Thuế	3			30		KT101	I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
50	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45		KT105	I, II
51	KT113	Kinh tế lượng	3			45		KT108	I, II
52	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101	I, II
53	KT429	Hành vi khách hàng	2			30			I, II
<b>Cộng: 39 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 07 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>									
54	KT211	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3		30	30		I, II
55	KT212	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	3		45			I, II
56	KT213	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	3		45			I, II
57	KT397	Marketing Du lịch	3	3		45		KT104	I, II
58	KT381	Kinh tế du lịch	3	3		45			I, II
59	KT276	Phương pháp phân tích định lượng trong quản trị du lịch	3	3		45		KT120	I, II
60	KT425	Anh văn thương mại 1	3	3		45			I, II
61	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		30			I, II
62	KT337	Thương mại điện tử	2	2		30			I, II
63	KT214	Tổ chức sự kiện	2	2		30			I, II
64	KT208	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	2		30			I, II
65	KT215	Marketing địa phương	2	2		30		KT104	I, II
66	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30			I, II
67	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT106	I, II
68	KT405	Lý thuyết bảo hiểm	2			30			I, II
69	KT430	Quản trị chiêu thị và thông tin Marketing	2			30			I, II
70	KT361	Quản trị thương hiệu	3		6	45			I, II
71	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3			45		KT103, KT104, KT106	I, II
72	KT445	Chuyên đề du lịch và dịch vụ	2				60	KT276	I, II
73	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45			I, II
74	XH423	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	2			30			I, II
75	XH558	Kỹ năng thuyết trình du lịch	2			15	30	XH423	I, II
76	XH150	Thủ tục hải quan và cước phí	2		4	30			I, II
77	XH415	Du lịch sinh thái	2			30			I, II
78	XH399	Địa lý du lịch thế giới	2			30			I, II
79	KT216	Kiến tập ngành dịch vụ du lịch và lữ hành	2	2		10	40	KT211, KT212, KT213	III
80	KT402	Luận văn tốt nghiệp - QTDVDLLH	10				300	≥ 105 TC	I, II
81	KT292	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	4				120	≥ 105 TC	I, II
82	KT420	Dự báo kinh tế	3			45			I, II
83	KT352	Quản trị du lịch và dịch vụ	3			45			I, II
84	KT380	Kinh tế du lịch và môi trường	2			30			I, II
85	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng	2			30			I, II
<b>Cộng: 55 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 22 TC)</b>									
<b>Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 94 TC; Tự chọn: 46TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

**BAN GIÁM HIỆU**  
**HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT**  
**CHỦ TỊCH**

**KHOA KINH TẾ**  
**TRƯỞNG KHOA**



**Hà Thanh Toàn**

**Lê Việt Dũng**

**Võ Thành Danh**